

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN THẮNG BÌNH
TỈNH QUẢNG NAM**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **31/2021/DS-ST**

Ngày: 29-4-2021

V/v: “*Tranh chấp về hợp đồng
vay tài sản*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THẮNG BÌNH, TỈNH QUẢNG NAM

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Võ Văn Thê.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Công Phúc.

2. Ông Phan Văn Hoàng.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Thị Nga, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thăng Bình, tỉnh Quảng Nam.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thăng Bình, tỉnh Quảng Nam tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Ngọc Lan - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 4 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thăng Bình, tỉnh Quảng Nam xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 61/2020/TLST-DS ngày 14 tháng 10 năm 2020 về việc “*Tranh chấp về hợp đồng vay tài sản*”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 19/2021/QĐXXST-DS ngày 19 tháng 3 năm 2021, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Ngô Thị D, sinh năm 1977; có mặt.

- *Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn:* Ông Nguyễn Ngọc C, sinh năm: 1972; vắng mặt.

Cùng trú tại: Tổ 2, thôn L, xã B, huyện Thăng Bình, tỉnh Quảng Nam.

- *Bị đơn:* Bà Đỗ Thị Như H, sinh năm: 1972; vắng mặt.

Địa chỉ: Khu phố K, thị trấn Hà Lam, huyện Thăng Bình, tỉnh Quảng Nam.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 02/10/2020, trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn – bà Ngô Thị D trình bày: Vào ngày 22/5/2019, bà cho bà Đỗ Thị Như H vay số tiền 400.000.000 (Bốn trăm triệu) đồng, đến ngày 05/9/2019 bà H trả cho bà được 200.000.000 (Hai trăm triệu) đồng, số tiền bà H còn nợ lại là 200.000.000 (Hai trăm triệu) đồng. Mặc dù, bà đã yêu cầu bà H trả nợ nhiều lần nhưng bà H không trả nên bà D khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết

buộc bà H phải trả cho bà D số tiền còn nợ trên và không yêu cầu tính lãi.

Tại bản tự khai và biên bản hòa giải, bị đơn – Đỗ Thị Như H trình bày:

Theo đơn khởi kiện bà D yêu cầu Tòa án huyện Thăng Bình giải quyết buộc bà phải trả cho bà D số tiền còn nợ 200.000.000đ (*Hai trăm triệu*) đồng và trả lãi theo quy định của pháp luật. Hiện nay tôi chưa xác định được số tiền nợ và yêu cầu Tòa án cho tôi sao chụp tài liệu do bà D cung cấp, trong thời hạn 15 đến 20 ngày tôi sẽ trả lời bằng văn bản cho Tòa án.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thăng Bình phát biểu ý kiến:

Về thủ tục tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa thực hiện đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án. Nguyên đơn thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình; bị đơn - bà H không thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 3 Điều 26, Điều 35, Điều 39, Điều 147, khoản 2 Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 463, 466, 469 Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bà Đỗ Thị Như H phải trả cho bà Ngô Thị D số tiền còn nợ là 200.000.000 đồng. Về lãi suất: bà D không yêu cầu nên không đề nghị xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. *Về tố tụng:* Nơi cư trú của bà Đỗ Thị Như H tại Khu phố K, thị trấn Hà Lam, huyện Thăng Bình, tỉnh Quảng Nam. Bà D khởi kiện về việc buộc bà Đỗ Thị Như H phải trả số tiền còn nợ là 200.000.000 đồng. Do đó, quan hệ pháp luật được xác định là “*Tranh chấp về hợp đồng vay tài sản*” thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Thăng Bình, tỉnh Quảng Nam theo quy định tại khoản 3 Điều 26, Điều 35, Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Tại phiên tòa, bị đơn vắng mặt lần thứ hai không có lý do nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn là đảm bảo theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 và Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] *Về nội dung vụ án:*

[2.1] *Xét giao dịch giữa các bên đương sự:*

Vào ngày 22/5/2019 bà Ngô Thị D cho bà Đỗ Thị Như H vay số tiền 400.000.000 (*Bốn trăm triệu*) đồng, đến ngày 05/9/2019 bà H đã trả được 200.000.000 (*Hai trăm triệu*) đồng, số tiền bà H còn nợ lại là 200.000.000 (*Hai trăm triệu*) đồng và bà D yêu cầu bà H phải trả cho bà D số tiền còn nợ trên, bà D không yêu cầu trả lãi. Tại phiên tòa, bà D vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện buộc

bà H phải trả số tiền trên. Quá trình khởi kiện, bà D cung cấp giấy mượn tiền có xác nhận của bà Đỗ Thị Như H nhưng không ghi năm.

Tại bản tự khai và tại phiên hòa giải ngày 17/11/2020, bà Đỗ Thị Như H cho rằng chưa xác định được số tiền nợ và yêu cầu Tòa án cho bà sao chụp tài liệu chứng cứ do bà D cung cấp, bà H hẹn trong thời hạn 15 đến 20 ngày sẽ trả lời bằng văn bản cho Tòa án. Tuy nhiên, Tòa án đã tổng đạt hợp lệ thông báo về việc mở phiên họp tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải các lần tiếp theo cho bà H nhưng bà H vẫn vắng mặt không có lý do và không có văn bản trả lời cho Tòa án về yêu cầu khởi kiện trên và cũng không cung cấp tài liệu, chứng cứ gì để chứng minh. Bà H không thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của bị đơn, cố tình trốn tránh gây khó khăn cho việc giải quyết vụ án.

Ngày 27/01/2021, Tòa án tiến hành thu thập mẫu để trưng cầu giám định chữ ký và chữ viết của bà Đỗ Thị Như H và tại Kết luận giám định số 15/PC09 ngày 25/02/2021 của phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Quảng Nam kết luận: Chữ ký và chữ viết đứng tên Đỗ Thị Như H trên tài liệu cần giám định và chữ ký, chữ viết đứng tên Đỗ Thị Như H trên tài liệu mẫu so sánh là do cùng một người ký, viết ra.

Do đó, có cơ sở xác định giấy mượn tiền bà D cung cấp là của bà H vay tiền bà Dung.

[2.2] Xét yêu cầu khởi kiện nguyên đơn:

Bà Ngô Thị D khởi kiện yêu cầu bà Đỗ Thị Như H trả số tiền nợ là 200.000.000 (*Hai trăm triệu*) đồng trong tổng số tiền 400.000.000 (*Bốn trăm triệu*) đồng bà H vay. Xét thấy, tại giấy mượn tiền ngày 22 tháng 5 dương lịch mà bà D cung cấp cho Tòa án, mặc dù không ghi năm nhưng bà D xác nhận là năm 2019 và bà D thừa nhận bà H đã trả số tiền 200.000.000 (*Hai trăm triệu*) đồng tại nhà bà Huệ, khi giao nhận tiền chỉ có bà H với bà D và không có viết giấy tờ gì. Tại bản tự khai và biên bản hòa giải ngày 17/11/2020, bà H xác nhận: “*Hiện nay tôi chưa xác định được số tiền nợ...*”. Như vậy, bà H không có ý kiến phản đối về thời gian vay, trả nợ mà chỉ xác nhận là chưa xác định được số tiền nợ bà D và trong quá trình giải quyết vụ án bà H không cung cấp tài liệu, chứng cứ gì để chứng minh cho ý kiến của mình có nợ hay không nợ và có nợ thì nợ bao nhiêu tiền bà D. Tại khoản 2 và khoản 4 Điều 91 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015 quy định: “*2. Đương sự phản đối yêu cầu của người khác đối với mình phải thể hiện bằng văn bản và phải thu thập, cung cấp, giao nộp cho Tòa án tài liệu, chứng cứ để chứng minh cho sự phản đối đó. 4. Nếu đương sự đó không đưa ra được chứng cứ hoặc không đưa ra đủ chứng cứ thì Tòa án giải quyết vụ việc dân sự theo những chứng cứ đã thu thập được có trong hồ sơ vụ án*”.

Từ những nhận định trên, Hội đồng xét xử xét thấy chứng cứ mà bà D cung cấp là hợp lệ và có căn cứ chấp nhận nên cần tuyên buộc bà Đỗ Thị Như H phải có nghĩa vụ trả cho bà Ngô Thị D số tiền 200.000.000 (*Hai trăm triệu*) đồng là phù hợp với quy định tại các Điều 463, 466, 469 của Bộ luật Dân sự 2015.

[3] Về lãi suất: Nguyên đơn không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xét.

[4] Về yêu cầu của Viện kiểm sát: Ngày 12/4/2021, Viện kiểm sát nhân dân

huyện Thăng Bình có văn bản yêu cầu xác minh số tiền bà D cho bà H vay là tài sản riêng của bà D hay là tài sản chung của vợ chồng bà Ngô Thị D với ông Nguyễn Ngọc C. Ngày 22/4/2021, Tòa án tiến hành lấy lời khai của ông Nguyễn Ngọc C và ông C khẳng định số tiền 400.000.000 (*Bốn trăm triệu*) đồng mà bà D cho bà H vay là tài sản riêng của cá nhân bà D, ông không có liên quan và việc vay mượn, trả tiền giữa bà D với bà H ông không biết. Do đó, không có cơ sở xác định đây là tài sản chung của vợ chồng và ông C không có liên quan gì đến nội dung vụ án.

[5] *Về chi phí Trưng cầu giám định chữ ký và chữ viết:* Số tiền là 4.000.000 đồng (*Bốn triệu đồng*), bà Ngô Thị D tự nguyện chịu (bà D đã nộp chi phí trưng cầu giám định là 5.000.000 đồng, trả lại cho Bà D số tiền còn lại là 1.000.000 đồng theo giấy nhận tiền ngày 29/4/2021).

[6] *Về án phí:* Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, Điều 35, Điều 39, Điều 147, khoản 2 Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 463, 466, 469 Bộ luật Dân sự năm 2015; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Ngô Thị D về việc “*Tranh chấp về hợp đồng vay tài sản*”.

1. Buộc bà Đỗ Thị Như H phải có nghĩa vụ trả cho bà Ngô Thị D số tiền còn nợ là 200.000.000 đồng (*Hai trăm triệu*) đồng.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm: Buộc bà Đỗ Thị Như H phải chịu số tiền là 10.000.000 (*Mười triệu*) đồng. Hoàn trả cho bà Ngô Thị D số tiền tạm ứng án phí mà bà D đã nộp là 5.000.000 (*Năm triệu*) đồng, theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0005619 ngày 14/10/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thăng Bình, tỉnh Quảng Nam.

3. Về quyền kháng cáo: Đương sự có mặt có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (29/4/2021); đương sự không có mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật

Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- TAND tỉnh Quảng Nam
- VKSND huyện Thăng Bình;
- Chi cục THADS huyện Thăng Bình;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Võ Văn Thế

